TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2019
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Sử

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hồ Thị Kim Luyến

2/ Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thùy Mỵ - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 693/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2018 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyeân ñôn: Bà **Huỳnh Thanh T,** sinh năm 1987 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số B, đường Q, phường H, quận N, thành phố C.

Bò ñôn: Ông **Nguyễn Dũng T,** sinh năm 1986 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số B, đường Q, phường H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Huỳnh Thanh T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Dũng T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2010.

Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Trung N (nam) sinh ngày 16 tháng 11 năm 2012. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành, ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Dũng T, yêu cầu nuôi con chung (cháu N), không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Dũng T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống giữa ông bà có phát sinh nhiều bất đồng nhưng tình cảm ông dành cho bà T vẫn không thay đổi, ông không muốn kết thúc mối quan hệ hôn nhân này nên không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã nêu tại phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ông Nguyễn Dũng T và bà Huỳnh Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố C nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà T ông T phát sinh mâu thuẫn và bà T có đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn*", tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Dũng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông T chung sống có đăng ký kết hôn năm 2010, sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo bà T, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiệ n yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Dũng T.

Hơn nữa, trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó cho thấy: Tình trạng vợ chồng giữa bà T và ông T đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế; do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục cũng không đem lại hạnh phúc cho bà T cũng như ông T. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà T và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Trung N (nam) sinh ngày 16 tháng 11 năm 2012. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Trung N đang sống với bà T, điều kiện phát triển về tinh thần và sức khỏe của cháu vẫn phát triển tốt. Cháu vẫn đảm bảo các điều kiện học tập, sinh hoạt đầy đủ. Do đó, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi cháu N là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà T cho rằng bà có đầy đủ khả năng và điều kiện để chăm lo cuộc sống vật chất cho con; Do đó, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét sự tự định đoạt của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặ t vấn đề cấp dưỡng nuôi con ra xem xét, giải quyết.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái (con chung) là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con (ông T) có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Tuy nhiên, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặ t của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luậ t.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Do vụ án xét xử vắng mặ t bị đơn nên ở góc độ này chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Huỳnh Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thanh T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Huỳnh Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Dũng T.

- *Về con chung:* Tiếp tục giao con chung Nguyễn Trung N (nam) sinh ngày 16 tháng 11 năm 2012 cho bà Huỳnh Thanh T nuôi đến trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Dũng T, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

3. Về án phí*:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba *trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/000536 ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Sử

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- Uỷ ban nhân dân P.H, quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.